

Bản án số: 184/2024/DS-ST
Ngày: 12 tháng 8 năm 2024
V/v “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thanh Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Cư

Bà Huỳnh Thị Thanh Mỹ Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Thùy Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2024/QĐST-DS-HPT ngày 18 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:*

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1); Địa chỉ trụ sở: Số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ nhận thông báo: Số E H, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hiếu N, sinh năm 1986 (Theo giấy ủy quyền số 300/2024/UQ-TT-XLN); Địa chỉ liên hệ: 5 H, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (*Có đơn xin vắng mặt*)

Bị đơn: Bà Nguyễn Tú T, sinh năm 1988 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Số B N, Phường F, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 12 năm 2023, các bản tự khai ngày 10 tháng 6 năm 2024 và ngày 12 tháng 8 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng S1) có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Hiếu N trình bày:

Ngày 24 tháng 11 năm 2022, Ngân hàng S1 và bà Nguyễn Tú T thỏa thuận ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S1 (các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 120.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2.48%/tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp thẻ tín dụng (*thẻ tín dụng VS payWave Cre Platinum Cashback: 436438-2638*), bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 283.736.600 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ (*thẻ tín dụng VS payWave Cre Platinum Cashback: 436438-2638*), từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng S1 số tiền là 179.819.471 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 10 tháng 6 năm 2023, S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 139.201.480 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 12 tháng 08 năm 2024, bà T còn tổng số tiền là 193.099.168 đồng. Trong đó bao gồm nợ gốc là 139.201.480 đồng, lãi quá hạn là 53.897.688 đồng (số tiền lãi suất quá hạn là 3.723%/tháng (2.48% x 150%) từ ngày S1 chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại).

Ngoài ra, ngày 11 tháng 03 năm 2023 Ngân hàng S1 và bà Nguyễn Tú T còn thỏa thuận ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD0000211886 trên ứng dụng S1 (viết tắt là S1) với số tiền giải ngân là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân (*Khoản vay tiêu dùng S1 giải ngân qua số tài khoản 3586128674*).

Từ ngày giải ngân số tiền 10.000.000 đồng đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 4.658.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 3 của Bản Điều khoản và Điều kiện vay tiêu dùng trên ứng dụng S1), ngày 26 tháng 10 năm 2023 Ngân hàng S1 đã chấm dứt và chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn (Điều 5 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành vay tiêu dùng trên ứng dụng S1).

Tính đến ngày 12 tháng 8 năm 2024, khoản vay S1 Pay 3586128674 của bà T còn nợ tổng số tiền là 8.512.960 đồng (tám triệu năm trăm mười hai nghìn chín trăm sáu mươi đồng). Trong đó bao gồm nợ gốc là 6.942.000 đồng, lãi quá hạn là 1.570.960 đồng.

Do đó, Ngân hàng S1 khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Tú T phải thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền tạm tính đến ngày 12 tháng 8 năm 2024 là 201.612.128 đồng (hai trăm lẻ một triệu sáu trăm mười hai nghìn một trăm hai mươi tám đồng), cụ thể như sau:

- Đối với thẻ tín dụng V 436438-2638 tổng số tiền nợ là 193.099.168 đồng. Trong đó bao gồm nợ gốc là 139.201.480 đồng, lãi quá hạn là 53.897.688 đồng.

- Đối với khoản vay tiêu dùng S1 giải ngân qua số tài khoản 3586128674 là 8.512.960 đồng. Trong đó bao gồm nợ gốc là 6.942.000 đồng, lãi quá hạn là 1.570.960 đồng.

Ngoài ra, bà T còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 13 tháng 8 năm 2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn – bà Nguyễn Tú T trong suốt quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng dưới đây nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do:

- Thông báo thụ lý vụ án số 36/TB-TLVA ngày 21/3/2024; Giấy triệu tập số 46/GTT-TA ngày 26/2/2024 (đến Tòa án lúc 10 giờ 30 phút ngày 18/3/2024);

- Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 68/2024/TB-TA ngày 10/4/2024; giấy triệu tập số 68-2/GTT-TA ngày 10/4/2024 (đến Tòa án lúc 10 giờ 00 phút ngày 02/5/2024);

- Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 14/TB-TA ngày 24/5/2024;

- Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2024/QĐXX-DS ngày 01/7/2024; Giấy triệu tập số 95/GTT-TA ngày 01/7/2024 (đến Tòa án lúc 08 giờ 30 phút ngày 18/7/2024);

- Quyết định hoãn phiên tòa số 121 /2024/QĐST-DS-HPT ngày 18/07/2024 (thời gian mở lại phiên tòa lúc 08 giờ 30 phút ngày 12/08/2024);

- Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2024/QĐXXST-DS ngày 18/07/2024 (tham gia phiên tòa lần 02 lúc 08 giờ 30 phút ngày 12/08/2024); Giấy triệu tập số 99/GTT-TA ngày 18/07/2024 (đến Tòa án lúc 08 giờ 30 phút ngày 12/08/2024).

Tại phiên toà sơ thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 12 tháng 08 năm 2024. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có bản tự khai và Tóm tắt sao kê đề ngày 12/08/2024 xác định số nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (12/08/2024) mà bà T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng S1 là 201.612.128 đồng (Hai trăm lẻ một triệu, sáu trăm mười hai nghìn, một trăm hai mươi tám đồng); trong đó đối với thẻ tín dụng V: 436438-2638 là 193.099.168 đồng (Nợ gốc là 139.201.480 đồng, lãi quá hạn là 53.897.688 đồng) và với K vay tiêu dùng S1 giải ngân qua số tài khoản 3586128674 là 8.512.960 đồng (Nợ gốc là 6.942.000 đồng, lãi quá hạn là 1.570.960 đồng).

Ngoài ra, bà Nguyễn Tú T còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 13 tháng 08 năm 2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Tú T thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 12 tháng 8 năm 2024 là 201.612.128 đồng (Hai trăm lẻ một triệu, sáu trăm mười hai nghìn, một trăm hai mươi tám đồng), trong đó đối với thẻ tín dụng V: 436438-2638 là 193.099.168 đồng (Nợ gốc là 139.201.480 đồng, lãi quá hạn là 53.897.688 đồng) và với K vay tiêu dùng S1 giải ngân qua số tài khoản 3586128674 là 8.512.960 đồng (Nợ gốc là 6.942.000 đồng, lãi quá hạn là 1.570.960 đồng). Ngoài ra, bà Nguyễn Tú T còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ

ngày 13 tháng 08 năm 2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Án phí bà T chịu theo quy định pháp luật. Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng S1) khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Tú T trả tiền nợ theo hợp đồng tín dụng thẻ. Trên hợp đồng thẻ ghi địa chỉ bị đơn tại số B N, Phường F, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả xác minh của Công an P, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bà Nguyễn Tú T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số B N, Phường F, Quận E nhưng không thực tế cư trú tại địa chỉ này từ tháng 1/2016 và cho biết hiện nay bà T đang cư trú tại C N, Phường A, Quận F. Tuy nhiên, kết quả xác minh của Công an P1, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bà Nguyễn Tú T không đăng ký thường trú, tạm trú hay thực tế cư trú tại địa chỉ số C N, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bị đơn đã không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015, nên vụ án vẫn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 5. Tòa án xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn là Ngân hàng S1 có đơn đề ngày 12 tháng 8 năm 2024 đề nghị được vắng mặt khi Tòa án xét xử vụ án. Bị đơn là bà Nguyễn Tú T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ: Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2024/QĐXX-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 (tham gia phiên tòa lần 01 lúc 08 giờ 30 phút ngày 18 tháng 7 năm 2024); Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2024/QĐST-DS-HPT ngày 18 tháng 07 năm 2024 (thời gian mở lại phiên tòa lúc 08 giờ 30 phút ngày 12 tháng 08 năm 2024); Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 07 năm 2024 (tham gia phiên tòa lần 02 lúc 08 giờ 30 phút ngày 12 tháng 08 năm 2024); các giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Đối với thẻ tín dụng V, ngày 06 tháng 10 năm 2023, Ngân hàng S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Đối với khoản vay tiêu dùng S1, ngày 26 tháng 10 năm 2023, Ngân hàng S1 đã chấm dứt và chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn (Điều 5 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành vay tiêu dùng trên ứng dụng S1). Ngày 25 tháng 12 năm 2023, Ngân hàng S1 khởi kiện bà T để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi quá hạn là vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Xét đối với yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc:

[3.1] Ngày 24 tháng 11 năm 2022, Ngân hàng S1 và bà Nguyễn Tú T có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng loại thẻ tín dụng quốc tế Visa Platinum C, số thẻ: 436438-2638. Căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng S1 đã cấp Thẻ tín dụng cho bà T với hạn mức là 120.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Theo bảng tóm tắt sao kê ngày 12 tháng 8 năm 2024 thì sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện nhiều lần giao dịch với tổng số tiền là 283.736.600 đồng, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng S1 với tổng số tiền là 179.819.471 đồng, lần giao dịch cuối cùng là ngày 05 tháng 6 năm 2023). Từ ngày giao dịch cuối cùng đến ngày 05 tháng 7 năm 2023, bà T có thanh toán số tiền là 155.400 đồng, ngày 05 tháng 8 năm 2023, bà T thanh toán số tiền 599.925 đồng. Sau đó, bà T không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng S1, nên ngày 06 tháng 10 năm 2023, Ngân hàng S1 đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Dư nợ gốc tại thời điểm này là 139.201.480 đồng.

Mặc dù Ngân hàng S1 đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu bà T phải thanh toán theo đúng cam kết đã ký trên Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, cụ thể: Thông báo nợ quá hạn lần 1 số 25/2023/TB-TTD ngày 17 tháng 7 năm 2023; Thông báo nợ quá hạn lần 2 số 40/2023/TB-TTD ngày 01 tháng 8 năm 2023; Thông báo nợ quá hạn lần 3 số 46/2023/TB-TTD ngày 21 tháng 8 năm 2023. Tuy nhiên, bà T vẫn không thực hiện, vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng S1; việc chậm thanh toán và không thanh toán của bà T làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Ngân hàng S1. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S1 buộc bà T phải thanh toán số tiền nợ gốc là 139.201.480 đồng cho Ngân hàng.

[3.2] Ngày 11 tháng 3 năm 2023, bà T đã ký Ngân hàng S1 và bà Nguyễn Tú T thỏa thuận ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ

số LD0000211886 trên ứng dụng S1 (viết tắt là S1) với số tiền giải ngân là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Căn cứ bảng tóm tắt sao kê ngày 12 tháng 8 năm 2024, bà T đã thực hiện nhiều lần giao dịch với tổng số tiền là 10.000.000 đồng, lần giao dịch cuối cùng là ngày 25 tháng 10 năm 2023. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà T đã sử dụng hết hạn mức thẻ là 10.000.000 đồng, nhưng bà T chỉ thanh toán cho Ngân hàng S1 tổng số tiền là 4.658.000 đồng, gồm ngày 25 tháng 5 năm 2023 là 2.360.000 đồng và ngày 25 tháng 7 năm 2023 là 2.298.000 đồng. Do đó, ngày 26 tháng 10 năm 2023, Ngân hàng S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ gốc tại thời điểm này là 6.942.000 đồng sang nợ quá hạn (Điều 5 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành vay tiêu dùng trên ứng dụng S1).

Mặc dù Ngân hàng S1 đã yêu cầu bà T phải thanh toán theo thỏa thuận đã quy định tại Hợp đồng. Tuy nhiên, bà T vẫn không thực hiện, vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng S1; việc chậm thanh toán và không thanh toán của bà T làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Ngân hàng S1. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S1 buộc bà T phải thanh toán số tiền nợ gốc là 6.942.000 đồng cho Ngân hàng.

[4] Xét đối với yêu cầu thanh toán số tiền lãi:

[4.1] Đối với thẻ tín dụng quốc tế Visa Platinum C: Lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại ($2.48\% \times 150\% = 3.723\%$). Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi quá hạn là 53.897.688 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

- Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

- Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Căn cứ Quyết định về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ T1 phát hành tại Việt Nam số 2661/2022/QĐ-TTT ngày 28 tháng 10 năm 2022 do Ngân hàng S1 cung cấp, đối chiếu với thời điểm vay thẻ hiện mức lãi suất

2.48%/tháng áp dụng cho hợp đồng thẻ tín dụng số 436438-2638. Tại thời điểm bà T ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng đã áp dụng mức lãi suất này và tại phiên tòa hôm nay mức lãi suất vẫn không thay đổi.

Vì bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ngân hàng, nên Ngân hàng yêu cầu tính lãi quá hạn là 3.723% (2.48% x 150%) trên dư nợ gốc là 139.201.480 đồng là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận tiền lãi bà T phải thanh toán là 53.897.688 đồng.

[4.2] Đối với khoản vay tiêu dùng trên ứng dụng S1: Lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại (1.55% x 150% = 2.325%). Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi quá hạn là 1.570.960 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

- Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

- Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Căn cứ Quyết định về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ T1 phát hành tại Việt Nam số 2661/2022/QĐ-TTT ngày 28 tháng 10 năm 2022 do Ngân hàng S1 cung cấp, đối chiếu với thời điểm vay thẻ hiện mức lãi suất 1.55%/tháng áp dụng cho hợp đồng thẻ tín dụng số 436438-2638. Tại thời điểm bà T ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng đã áp dụng mức lãi suất này và tại phiên tòa hôm nay mức lãi suất vẫn không thay đổi.

Vì bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ngân hàng, nên Ngân hàng yêu cầu tính lãi quá hạn là 2.325% (1.55% x 150%) trên dư nợ gốc là 6.942.000 đồng là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận tiền lãi bà T phải thanh toán là 1.570.960 đồng.

[5] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn là bà Nguyễn Tú T phải trả cho nguyên đơn một lần số tiền tạm tính đến ngày 12 tháng 8 năm 2024

là 201.612.128 đồng (hai trăm lẻ một triệu sáu trăm mười hai nghìn một trăm hai mươi tám đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực, cụ thể như sau:

- Đối với thẻ tín dụng V 436438-2638 tổng số tiền nợ là 193.099.168 đồng. Trong đó bao gồm nợ gốc là 139.201.480 đồng, lãi quá hạn là 53.897.688 đồng.

- Đối với khoản vay tiêu dùng S1 giải ngân qua số tài khoản 3586128674 là 8.512.960 đồng. Trong đó bao gồm nợ gốc là 6.942.000 đồng, lãi quá hạn là 1.570.960 đồng.

Ngoài ra, bà T còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 13 tháng 8 năm 2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S1 trong khoảng thời gian dài, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng S1 nên yêu cầu của Ngân hàng S1 là có cơ sở chấp nhận.

[6] Bà T không có mặt tại Tòa án để cho lời khai hoặc nêu ý kiến về các khoản tiền gốc, tiền lãi đã thanh toán và các khoản phí mà S1 yêu cầu được xem là bà T đã từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh cho mình. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S1 với số nợ gốc, nợ lãi quá hạn mà Ngân hàng S1 yêu cầu bà T phải trả.

[7] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng S1 được chấp nhận nên bị đơn là bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là Ngân hàng S1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1):

1.1 Buộc bà Nguyễn Tú T phải thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1) số tiền 201.612.128 đồng (hai trăm lẻ một triệu, sáu trăm mười hai nghìn, một trăm hai mươi tám đồng); trong đó: Đối với thẻ tín dụng V (Số thẻ 436438-2638) là 193.099.168 đồng (Nợ gốc: 139.201.480 đồng, lãi quá hạn: 53.897.688 đồng) và với K vay tiêu dùng S1 (Giải ngân qua số tài khoản 3586128674) là 8.512.960 đồng (Nợ gốc: 6.942.000 đồng, lãi quá hạn: 1.570.960 đồng) theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S ngày 24/11/2022 (số thẻ 436438-2638); Giấy đề nghị kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ ngày 11 tháng 3 năm 2023 (Giải ngân qua số tài khoản 3586128674).

Việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện hoặc tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Kể từ ngày 13/8/2024 cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Tú T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Tú T chịu 10.080.606 đồng (mười triệu không trăm tám mươi nghìn sáu trăm lẻ sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1) số tiền 4.011.608 đồng (bốn triệu không trăm mười một nghìn sáu trăm lẻ tám đồng) theo Biên lai thu số 0011133 ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1) và bà Nguyễn Tú T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân

dân cùng cấp, Viện Kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS nhân dân Quận 5;
- Chi Cục THADS Quận 5;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thanh Tiên